TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 11/2020/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 24 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 02/2020/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị D, sinh năm 1990.

- Bị đơn: Anh Triệu Ngọc H, sinh năm 1987.

Cùng trú tại: Thôn T, xã D, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147/Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đinh Thị D và anh Triệu Ngọc H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị D và anh Triệu Ngọc H thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Đinh Thị D và anh Triệu Ngọc H tự nguyện thỏa thuận giao 02 con chung tên là Triệu Thị Yến N, sinh ngày 16/10/2008; Triệu Yến Tr, sinh ngày 24/8/2010 *(các con khỏe mạnh, phát triển bình thường)* cho chị D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về chia tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.6. Về án phí: Chị Đinh Thị D tự nguyện chịu toàn bộ 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 08726 ngày 12/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Chị Đinh Thị D được hoàn lại số tiền 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Anh Triệu Ngọc H không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện B;
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- UBND xã D;
- Chi cục THA huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Triệu Thị Huyền